

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:55/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Vạn Sinh.

Bà H' Moan Mlô.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: TRẦN VĂN H, sinh ngày 22-02-1993 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn lớp: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Ngô Thị Th và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-8-2019 đến nay, hiện bị cáo đang tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: đường Ph, tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn dân sự: Công ty cổ phần thép Tr.

Địa chỉ: đường G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật là ông H Kim T – c/v: Tổng giám đốc

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Huỳnh Thanh V – c/v: Phó tổng giám đốc, có mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Anh Hồ Ngọc Q, sinh năm 1999, có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1989, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H có giấy phép lái xe hạng C do Sở giao thông vận tải tỉnh Gia Lai cấp, ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần thép Tr, địa chỉ đường G, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk với công việc được giao là lái xe cho Công ty. Khoảng 05 giờ ngày 23-5-2019, H được Công ty cổ phần thép Tr phân công điều khiển xe ô tô tải biển số 47C – 171.xx chở hàng từ Công ty đến giao cho khách tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, cùng đi với H có anh Phạm Văn D và anh Hồ Ngọc Q là công nhân bốc xếp. H điều khiển xe ô tô theo Quốc lộ A qua đường H để đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 05 giờ 40 phút cùng ngày, khi xe đến địa phận xã C, thị xã B, H điều khiển xe đi vào đường tắt bên cạnh Trung đoàn E để đến đường tránh Tây đường H. Sau khi vào đường tránh, H điều khiển xe chạy về hướng huyện K. Khi còn cách khoảng 20m tới ngã tư giao nhau với đường Ph thuộc tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, H thấy ông Nguyễn Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 47M6 – 29xx lưu thông trên đường Ph từ hướng đường H về hướng huyện C qua ngã tư. Lúc này, H đánh tay lái về bên trái đồng thời bóp còi và đạp phanh gấp để tránh nhưng do khoảng cách đã quá gần nên xe ô tô do H điều khiển đã đâm vào xe mô tô do ông D điều khiển gây tai nạn, làm ông D bị hất văng lên kính chắn gió phía trước của xe ô tô, còn xe mô tô bị lọt xuống gầm xe ô tô. Đồng thời xe ô tô của H đã đẩy ông D và xe mô tô của ông D thêm một đoạn vào lề đường bên trái mới dừng lại.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông tại đường tránh đường H (đường tránh Tây) thuộc tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào khoảng 6 giờ 05 phút ngày 23-5-2019. Mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, đường thẳng tầm nhìn không bị che khuất, không có vạch kẻ đường, không có biển báo hiệu đường bộ. Theo hướng thành phố B về huyện K bên trái có đường nhánh (đường Ph) về hướng đường H, bên trái có đường nhánh về hướng huyện C; đường nhánh có biển báo hiệu đường bộ giao nhau với đường ưu tiên, đường rộng 5m50, mật độ giao thông vắng, bên đường có vườn cà phê của người dân. Mặt đường tránh đường H rộng 8m30.

Chọn mép đường bên phải theo hướng đi từ thành phố B về huyện K làm chuẩn để đo đạc vị trí dấu vết, phương tiện; chọn trụ điện số B504/10.5B trên phần đất bên phải trong mặt đường nhựa làm điểm mốc cố định của vụ tai nạn.

Xe mô tô 47M6-29xx sau khi va chạm xảy ra xe ngã nghiêng bên phải nằm phần đất bên trái trong mặt đường nhựa theo hướng từ thành phố B về huyện K, đầu

xe quay về hướng vườn cà phê của người dân bên trái, đuôi xe quay về hướng vườn cà phê bên phải, trực trước của xe cách mép đường chuẩn là 11m, trực sau của xe cách mép đường chuẩn là 9m70

Trên mặt đường nhựa có vết phanh màu đen kích thước dài 2m80, rộng 5cm. Đầu vết phanh nằm sát mép đường nhựa bên phải theo hướng thành phố B về huyện K; đầu vết phanh cách mép đường bên trái đường Ph theo hướng đường H về huyện C là 2m10.

Trên mặt đường nhựa và trên phần đất bên trái trong mặt đường nhựa có vết cà xước đứt quãng dài 22m40, đầu vết cà xước cách mép đường chuẩn là 6m10.

Xe ô tô biển số 47C-171.xx sau khi va chạm xảy ra xe được dừng lại trên phần đất bên trái trong mặt đường nhựa theo hướng thành phố B về huyện K, đầu xe quay về huyện K, đuôi xe quay về hướng thành phố B, trực trước bên phải của xe cách mép đường chuẩn là 9m30, cách trực sau xe mô tô là 70cm; trực sau bên phải của xe cách mép đường chuẩn là 8m30, cách trụ điện số B504/10.5B là 36m50.

Trên mặt đường nhựa và trên phần đất bên trái trong mặt đường nhựa có vết phanh màu đen kích thước 33m20x17cm, đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 5m10, cách trụ điện số B504/10.5B là 15m10.

Có vết phanh màu đen kích thước 2m40x17cm đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 3m80, cuối vết phanh cách mép đường chuẩn là 4m.

Trên mặt đường nhựa và trên phần đất bên trái trong mặt đường nhựa có vết phanh màu đen kích thước 18m40x17cm đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 5m55, cách cuối vết phanh là 9m40

Trên cơ sở vị trí các dấu vết, hướng đi của các phương tiện để lại hiện trường, xác định điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện chiếu vuông góc xuống mặt đường cách mép chuẩn là 5,50m; cách đầu vết phanh bên trái xe ô tô là 9,15m; cách trụ điện B504/10.5B là 19,80m; cách vết cà xước là 2m45.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 673/TgT-TTPY ngày 10-6-2019, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Ông Nguyễn Ngọc D tổn hại sức khỏe do tai nạn gây nên là 62%.

Tại bản kết luận giám định tốc độ số 266/PC09 ngày 16-8-2019, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Tốc độ của xe ô tô biển số 47C-171.xx ngay trước khi xảy ra tai nạn là từ 76,83 km/h đến 82,14 km/h.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Công ty cổ phần thép Tr và bị cáo Trần Văn H đã thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 170.000.000 đồng trong đó của Công ty cổ phần thép Tr là 120.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn H là 50.000.000 đồng gồm tiền chi phí điều trị thương tích, tiền tổn thất tinh thần và tiền công lao động bị mất. Bị hại ông Nguyễn Ngọc D không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tạm giữ gồm: 01 (một) xe ô tô biển số 47C-171.xx, nhãn hiệu: VINH PHAT, số loại: FN129/MB-VM, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1-TCA316xx, số khung: RM9VTCSDHAB001xx, dung tích: 1593 cm³; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 47C-171.xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô biển số 47C-

171.xx; 01 (một) xe mô tô biển số 47M6 – 29xx, nhãn hiệu: BONNY, số loại: 100, màu sơn: Đen, số máy: VTT15JL1P50FMG0023xx, số khung: DCG0TT7XZ023xx, 97 cm³; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Ngọc D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của xe mô tô biển số 47M6 – 29xx; 01 giấy chứng minh nhân dân số 2412789xx mang tên Trần Văn H; 01 giấy phép lái xe hạng C số 6401566919xx cấp ngày 13-10-2015 mang tên Trần văn H.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKSBH ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức coi thường các quy định về giao thông đường bộ. Nên vào khoảng 06 giờ 05 phút ngày 23 - 5 - 2019, tại đường tránh tây (đường H) thuộc tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Trần Văn H điều khiển xe ô tô biển số 47C – 171.xx đi theo hướng từ thành phố B về huyện K, do thiếu quan sát khi đến đường giao nhau, không làm chủ tốc độ và phòng tránh tai nạn trái quy định, điều khiển xe sang trái, tông vào xe mô tô biển số 47M6 – 29xx do ông Nguyễn Ngọc D điều khiển gây tai nạn. Hậu quả làm ông D bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể 62%. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H tù: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc Công ty cổ phần thép Tr và bị cáo Trần Văn H đã thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 170.000.000 đồng trong đó của Công ty cổ phần thép Tr là 120.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn H là 50.000.000 đồng gồm tiền chi phí điều trị thương tích, tiền tổn thất tinh thần và tiền công lao động bị mất.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả cho các chủ sở hữu hợp pháp các tài sản: 01 xe ô tô biển số 47C-171.xx, nhãn hiệu: VINH PHAT, số loại: FN129/MB-VM, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1-TCA316xx, số khung: RM9VTCSEHAB001xx, dung tích: 1593 cm³; 01 giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 36838xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0700035xx/18 cho Công ty cổ phần thép Tr; 01 giấy chứng minh nhân dân số 2412789xx mang tên Trần Văn H cho Trần Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 22 ngày 26-8-2019; giao trả 01 xe mô tô biển số 47M6 – 29xx, nhãn hiệu: BONNY, số loại: 100, màu sơn: Đen, số máy: VTT15JL1P50FMG0023xx, số khung: DCG0TT7XZ023xx, 97 cm³; 01

giấy phép lái xe số 6600698086xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16-10-2016 mang tên Nguyễn Ngọc D; 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 0331xx của xe mô tô biển số 47M6-29xx do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17-8-2007 cho ông Nguyễn Ngọc D theo quyết định xử lý vật chứng số 25 ngày 18-10-2019.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 6401566919xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-10-2015 cho bị cáo Trần Văn H.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại; Bị đơn dân sự; người làm chứng khai nhận là phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 05 phút ngày 23-5-2019, tại đường tránh tây (đường H) đoạn qua tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do thiếu quan sát khi đến đường giao nhau, không làm chủ tốc độ và phòng tránh tai nạn trái quy định, nên bị cáo đã tông vào xe mô tô biển số 47M6-29xx do ông D điều khiển đi qua ngã tư. Hậu quả làm ông D bị thương tích, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 62 %, nên Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo nhận thức được rằng khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông cần tuân thủ tuyệt đối các quy tắc giao thông đường bộ để đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông. Tuy nhiên, bị cáo đã có hành vi điều khiển xe ô tô thiếu quan sát, không làm chủ tốc độ, chạy quá

tốc độ cho phép dẫn đến tông vào xe mô tô do ông Nguyễn Ngọc D điều khiển khi qua ngã tư dẫn tới hậu quả làm ông D bị thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 62%. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào khoản 11 và khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nên đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”;

...

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

...”.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của Bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của Bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây tổn hại cho sức khỏe của ông Nguyễn Ngọc D là 62% nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo cùng Công ty cổ phần thép Tr tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại 170.000.000 đồng trong đó phần bị cáo là 50.000.000 đồng và được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý và không bắt Bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là không gây nguy hiểm cho xã hội nên cho Bị cáo được hưởng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, giao Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi Bị cáo cư trú và gia đình giám sát giáo dục Bị cáo là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, đề nghị hình phạt áp dụng, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra Công ty cổ phần thép Tr và bị cáo Trần Văn H thỏa thuận và đã bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D tổng số tiền là 170.000.000 đồng bao gồm: Tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 120.000.000 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất là 20.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng trong đó của Công ty cổ phần thép Tr là 120.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn H là 50.000.000 đồng. Ông D không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận bồi thường là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả: 01 xe ô tô biển số 47C-171.xx, nhãn hiệu: VINH PHAT, số loại: FN129/MB-VM, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1-TCA316xx, số khung: RM9VTCSEHAB001xx, dung tích: 1593 cm³; 01 giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 36838xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0700035xx/18 cho Công ty cổ phần thép Tr; 01 giấy chứng minh nhân dân số 2412789xx mang tên Trần Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 22 ngày 26-8-2019; giao trả 01 xe mô tô biển số 47M6 – 29xx, nhãn hiệu: BONNY, số loại: 100, màu sơn: Đen, số máy: VTT15JL1P50FMG0023xx, số khung: DCG0TT7XZ023xx, 97 cm³; 01 giấy phép lái xe số 6600698086xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16-10-2016 mang tên Nguyễn Ngọc D; 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 0331xx của xe mô tô biển số 47M6-29xx do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17-8-2007 cho ông Nguyễn Ngọc D theo quyết định xử lý vật chứng số 25 ngày 18-10-2019. Xét thấy việc giao trả là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 6401566919xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-10-2015 mang tên Trần Văn H, xét thấy đây là giấy tờ liên quan đến quyền nhân thân của Trần Văn H nên tuyên trả lại cho bị cáo Trần Văn H là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Trần Văn H: 01 năm tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Văn H cho UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia

đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự

Ghi nhận việc Công ty cổ phần thép Tr và bị cáo Trần Văn H đã thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D tổng số tiền 170.000.000 đồng bao gồm tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 120.000.000 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất là 20.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng trong đó của Công ty cổ phần thép Tr là 120.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn H là 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả: 01 xe ô tô biển số 47C-171.xx, nhãn hiệu: VINH PHAT, số loại: FN129/MB-VM, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1-TCA316xx, số khung: RM9VTCSDEHAB001xx, dung tích: 1593 cm³; 01 giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 36838xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0700035xx/18 cho Công ty cổ phần thép Tr; 01 giấy chứng minh nhân dân số 2412789xx mang tên Trần Văn H cho bị cáo Trần Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 22 ngày 26-8-2019; giao trả 01 xe mô tô biển số 47M6 – 29xx, nhãn hiệu: BONNY, số loại: 100, màu sơn: Đen, số máy: VTT15JL1P50FMG0023xx, số khung: DCG0TT7XZ023xx, 97 cm³; 01 giấy phép lái xe số 6600698086xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16-10-2016 mang tên Nguyễn Ngọc D; 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 0331xx của xe mô tô biển số 47M6-29xx do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17-8-2007 cho ông Nguyễn Ngọc D theo quyết định xử lý vật chứng số 25 ngày 18-10-2019.

Tuyên trả 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 6401566919xx do Sở giao thông vận tải tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-10-2015 mang tên Trần Văn H cho bị cáo Trần Văn H

(Đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-11-2019 giữa Chi cục thi hành án dân sự thị xã B với Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B và vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thị xã B quản lý).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; bị hại; bị đơn dân sự;
- THA phạt tù;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh